TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **266/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơ

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn K**, sinh năm 1970.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 5, khu 1, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện đang trú tại: Thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn K tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và được tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống ở thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh

K sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho bà được ly hôn với anh Đinh Văn K.

Về con chung: Chị và anh Đinh Văn K có 02 con chung, là cháu Đinh Nguyễn Tấn S, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Đinh Nguyễn Phú T, sinh ngày 05/10/2011, hiện nay cháu S và cháu T đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Nguyễn Tấn S, cháu Đinh Nguyễn Phú T và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định, chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng anh K không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, anh Đinh Văn K chưa chuyển khẩu về thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nhưng từ năm 2008, sau khi anh K kết hôn với Chị T, anh K làm ăn, sinh sống ở đây, hiện anh K và Chị T đã tạo dựng một số tài sản ở thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, trong khối tài sản chung có đất và nhà ở kiên cố. Hiện nay anh K đi làm ăn xa, sáng đi sớm, tối về khuya thôn không thể giao các tài liệu của Tòa án cho anh K được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi anh K làm ăn, sinh sống, thường xuyên cư trú để anh K biết, nhưng anh K đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thanh T và anh Đinh Văn K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào 11/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và được tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng Chị T, anh K làm ăn, sinh sống ở thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị T và anh K sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, hiện vợ chồng Chị T, anh K không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ

chồng Chị T và anh K có 02 con chung, là cháu Đinh Nguyễn Tấn S, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Đinh Nguyễn Phú T, sinh ngày 05/10/2011, hiện nay cháu S và cháu T đang ở nhà với Chị T. Về tài sản chung, vợ chồng Chị T, anh K có một số tài sản sản chung như đất đai nhà của v.v, về nợ chung địa phương không nắm được. Về hộ khẩu thường trú, Chị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, còn anh K thường xuyên làm ăn, sinh sống ở thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, hiện nay anh K đi làm ăn xa, sáng đi sớm, tối về khuya, địa phương không biết anh K đang làm gì ở đâu. Về thu nhập bình quân của của Chị T khoảng 250.000 đồng đến 300.000 đồng/1 ngày, còn anh K đi làm ăn xa địa phương không nắm được.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày trong bản tự khai và trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Không bổ sung nội dung gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Đinh Văn K. Về con chung, giao cháu Đinh Nguyễn Tấn S, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Đinh Nguyễn Phú T, sinh ngày 05/10/2011 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đinh Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung chị Thục xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị Nguyễn Thanh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T và bị đơn anh Đinh Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Đinh Văn K..... thường xuyên làm ăn, sinh sống tại thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh K là thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại điểm **a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, anh Đinh Văn K chưa chuyển khẩu về thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nhưng từ năm 2008, sau khi anh K kết hôn với Chị T, anh K làm ăn, sinh sống ở đây, hiện anh K và Chị T đã tạo dựng một số tài sản ở thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y, trong khối tài sản chung có đất và nhà ở kiên cố. Hiện nay anh K đi làm ăn xa, sáng đi sớm, tối về khuya địa phương không thể giao các tài liệu của Tòa án cho anh K được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa phương nơi anh K làm ăn, sinh sống, thường xuyên cư trú để anh K biết, nhưng anh K đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Anh K đã được Chị T thông báo về việc khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh K không đến Tòa án để giải quyết. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K theo thủ tục chung.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Đinh Văn K là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào 11/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và được tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng Chị T, anh K làm ăn, sinh sống ở thôn Cây Quýt 1, xã M, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị T và anh K sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của Chị T, anh K thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn với anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Vợ chồng Chị T, anh K có 02 con chung là cháu Đinh Nguyễn Tấn S, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Đinh Nguyễn Phú T, sinh ngày 05/10/2011, hiện nay cháu S và cháu T đang ở nhà với Chị T. Xét về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn và xét về điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung thì Chị T, ông anh K có quyền, nghĩa vụ và điều kiện, hoàn cảnh như nhau. Nhưng hiện nay anh K đi làm ăn xa, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc được con chung như Chị T, như vậy, anh K không đảm bảo điều kiện để nuôi con chung bằng Chị T nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của Chị T, giao cháu Đinh Nguyễn Tấn S, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Đinh Nguyễn Phú T, sinh ngày 05/10/2011 cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**5**] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh T phải nộp án phí theo theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn anh Đinh Văn K không phải chịu án phí.

[**6**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Đinh Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Nguyễn Tấn S, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Đinh Nguyễn Phú T, sinh ngày 05/10/2011 cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004206, ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đinh Văn K không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh T và anh Đinh Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND phường M (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm	**Nguyễn Văn Toàn**